

## BÀI 8

## ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

### Hướng dẫn học

Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:

- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
  1. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, H.2011.
  2. Một số chuyên đề lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, H.2007, tập 3, trang 128-188
  3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, H2011, trang 182-185
  4. PGS.TS Phạm Văn Linh, TS Nguyễn Tiến Hoàng, Về những đổi mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011), NXB Chính trị Quốc gia, H.2011, trang 24-30.
- Học viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang Web môn học.

### Nội dung

Quan hệ quốc tế và công tác đối ngoại là lĩnh vực được Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng ngay từ khi ra đời. Cùng với sự phát triển của cách mạng, đường lối đối ngoại của Đảng cũng được bổ sung và phát triển dựa trên thực tiễn của thời đại và yêu cầu phát triển của đất nước, nhờ đó đã góp phần to lớn huy động được sức mạnh thời đại kết hợp với sức mạnh dân tộc Việt Nam, tạo nên sức mạnh tổng hợp để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức làm nên thắng lợi to lớn của Cách mạng tháng Tám 1945, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc và đánh bại hai tên đế quốc lớn là Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ đồng thời tạo ra bước phát triển mạnh mẽ của đất nước trong quá trình đổi mới.

### Mục tiêu

- Nắm được mục tiêu, nguyên tắc, phương châm đối ngoại của Đảng ta.
- Nắm được nội dung đường lối đối ngoại của Đảng từ thời kỳ 1975 - 1986 và những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân cần khắc phục.
- Nắm được nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới; những kết quả đã đạt được sau 25 năm thực hiện đường lối này.

## Tình huống dẫn nhập

- Học viên A: Mai tớ học bài cuối cùng của môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam rồi đấy. Nhanh thật thế là đã hết 1 kỳ học chuẩn bị thi đến nơi rồi.
- Học viên B: Tớ cũng vậy, mà bài cuối là bài về Đường lối đối ngoại đấy, bài này chắc là thú vị lắm đây.
- Học viên A: Ừ, tớ cũng nghĩ thế. Lúc cô giáo tớ dạy bài 3 về kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã kể rất nhiều chuyện liên quan đến đường lối đối ngoại của Đảng và Bác Hồ trong thời gian đó, nghe thích ơi là thích. Không biết là giai đoạn về sau, từ năm 1975 đến tận bây giờ thì có chuyện gì hay và đáng nhớ không nhỉ?
- Học viên B: Theo tớ thì chắc chắn là có rồi, mà có khi còn nhiều chuyện phức tạp nữa ấy chứ.
- Học viên A: Ừ, có lẽ là như vậy, chúng mình cùng chờ xem nhé!

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập. Trong điều kiện trực tiếp lãnh đạo chính quyền, Đảng đã hoạch định đường lối đối ngoại với các nội dung:

*Mục tiêu đối ngoại của Việt Nam* là góp phần “đưa nước nhà đến sự độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn”.

*Về nguyên tắc đối ngoại*, nền ngoại giao Việt Nam lấy nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương làm nền tảng.

*Về phương châm đối ngoại*, nền ngoại giao của nước Việt Nam mới quán triệt quan điểm độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

Trong những năm 1945-1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động đối ngoại đã mở ra cục diện đấu tranh ngoại giao góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng non trẻ, đồng thời đặt cơ sở cho việc xây dựng quan hệ với Liên hợp quốc và một số quốc gia khác, qua đó nâng cao hình ảnh, uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1946 - 1975), hoạt động đối ngoại, đấu tranh ngoại giao trở thành một bộ phận quan trọng của hai cuộc kháng chiến. Với đường lối đối ngoại đúng đắn, Đảng ta đã xây dựng được một mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi, đoàn kết và ủng hộ Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Mặt trận đó bao gồm: các nước xã hội chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc, các lực lượng yêu chuộng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, trong đó có cả một bộ phận nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Cách mạng Việt Nam đã huy động được sức mạnh của thời đại kết hợp với sức mạnh của dân tộc ta, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đưa cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

## 8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986

### 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

#### 8.1.1.1. Tình hình thế giới

Từ thập niên 70 của thế kỉ XX, sự tiến bộ nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh; Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước lớn.

Với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương (năm 1975), phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh. Đảng ta nhận định: “Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lớn mạnh không ngừng, phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển mãnh liệt”.

Tuy nhiên, từ giữa thập niên 70 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định.

Tình hình khu vực Đông Nam Á cũng có những chuyển biến mới. Sau năm 1975, Mỹ rút quân khỏi Đông Nam Á, khối quân sự SEATO tan rã; tháng 2/1976, các nước ASEAN kí *Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á* (Hiệp ước Bali), mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.



Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên của ASEAN tại Bali năm 1976

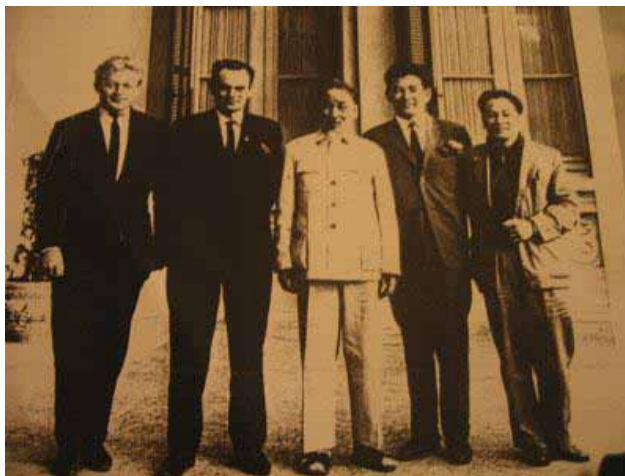
### 8.1.1.2. Tình hình trong nước

- Thuận lợi: Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình, thống nhất, cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội với khí thế của một dân tộc vừa giành được thắng lợi vĩ đại. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Đây là những thuận lợi rất cơ bản của cách mạng nước ta.
- Khó khăn: Nước ta đang vừa phải tập trung khắc phục hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, lại vừa phải đối phó với chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch sử dụng những thủ đoạn thâm độc chống phá cách mạng Việt Nam. Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982) nhận định: “đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hoà bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt”<sup>1</sup>. Ngoài ra, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế - xã hội.

Những thuận lợi, khó khăn từ tình hình thế giới và trong nước ở giai đoạn này đã ảnh hưởng to lớn đến công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và tác động tới việc hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng.

### 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

Đại hội lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) xác định nhiệm vụ đối ngoại: “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học, kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>2</sup>.



Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp mặt Đoàn TNCS Liên Xô, tháng 12/1964.  
 (Bên trái : Sergey Aphonin, Yuri Torsue, Bí thư Đoàn TNCS Liên Xô.  
 Bên phải : Vũ Quang, Bí thư thứ nhất Đoàn TNLD Việt Nam).

Trong quan hệ với các nước, Đại hội IV chủ trương củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.43, tr.53.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.617.



triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Từ giữa năm 1978, Đảng đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô – coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hoà bình, tự do, trung lập và ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Đại hội lần thứ V của Đảng xác định: công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

Về quan hệ với các nước, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc; kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại, nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình và ổn định; chủ trương khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình; chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Thực tế cho thấy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975-1986 là xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và tăng cường đoàn kết hợp tác với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và các nước đang phát triển; đấu tranh với sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch.

### 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

#### 8.1.3.1. Kết quả và ý nghĩa

Trong 10 năm trước đổi mới, quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, đặc biệt là với Liên Xô. Ngày 29/6/1978 Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ kinh tế (khối SEV). Viện trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng. Ngày 31/11/1978, Việt Nam kí *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô*.



Từ năm 1975 đến năm 1977, nước ta đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước; ngày 15/9/1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21/9/1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức của Ngân hàng Thế giới (WB); ngày 23/9/1976, gia nhập Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB);

ngày 20-9-1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hợp quốc; tham gia tích cực các hoạt động trong Phong trào không liên kết... Kể từ năm 1977, một số nước tư bản mở quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam.

Với các nước khác thuộc khu vực Đông Nam Á: Cuối năm 1976, Philippin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Những kết quả đối ngoại trên đây có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Sự tăng cường hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với một số nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tăng được nguồn viện trợ đáng kể, góp phần khôi phục đất nước sau chiến tranh; việc trở thành thành viên chính thức của Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á và việc trở thành thành viên chính thức của Liên hợp quốc, tham gia tích cực vào các hoạt động của Phong trào không liên kết đã tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế, đồng thời phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước còn lại trong tổ chức ASEAN đã tạo thuận lợi để triển khai các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau, nhằm xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hoà bình, hữu nghị và hợp tác.

### 8.1.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả nêu trên, nhìn tổng quát, từ năm 1975 đến năm 1986, quan hệ quốc tế của Việt Nam gặp những khó khăn, trở ngại lớn. Nước ta bị bao vây, cô lập, trong đó đặc biệt là từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XX, lấy cớ “Sự kiện Campuchia” các nước ASEAN và một số nước khác thực hiện bao vây, cấm vận Việt Nam...

Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trên là do trong quan hệ đối ngoại giai đoạn này, chúng ta chưa nắm bắt được xu thế chuyển đổi từ đối đầu sang hoà hoãn và chạy đua kinh tế trên thế giới. Do đó, đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế để phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh; không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.

Những hạn chế về đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975-1986 suy cho cùng đều xuất phát từ nguyên nhân cơ bản đã được Đại hội lần thứ VI của Đảng chỉ ra là “bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”.

## 8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới

### 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

#### 8.2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX:

Từ giữa những năm 1980, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai trên cơ sở

hai khối đối lập do Liên Xô và Hoa Kỳ đứng đầu (trật tự thế giới hai cực) tan rã, mở ra thời kì hình thành một trật tự thế giới mới.

Trên phạm vi thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hoà bình và hợp tác phát triển.

Các quốc gia, các tổ chức và lực lượng chính trị quốc tế thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bên trong và đặc điểm của thế giới.

Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đã đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; mở rộng và tăng cường liên kết, hợp tác với các nước phát triển để tranh thủ vốn, kĩ thuật, công nghệ, mở rộng thị trường, học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lí sản xuất kinh doanh.

Các nước đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh, vị thế quốc gia. Thay thế cách đánh giá cũ, chủ yếu dựa vào sức mạnh quân sự, bằng các tiêu chí tổng hợp trong đó sức mạnh kinh tế được đặt ở vị trí quan trọng hàng đầu.

- o Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó: Dưới góc độ kinh tế, toàn cầu hóa là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; sự phân công lao động mang tính quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đan xen nhau, hình thành mạng lưới quan hệ đa chiều.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1-2011) nhận định: “Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học – công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức”<sup>1</sup>.

Những tác động tích cực của toàn cầu hóa: trên cơ sở thị trường được mở rộng, trao đổi hàng hóa tăng mạnh đã thúc đẩy phát triển sản xuất của các nước; nguồn vốn, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lí cùng các hình thức đầu tư, hợp tác khác mang lại lợi ích cho các bên tham gia hợp tác. Mặt khác, toàn cầu hóa làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, thuận lợi cho việc xây dựng môi trường hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước.



Liên Xô trong những ngày chính biến



<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.318.



Những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa: xuất phát từ việc các nước công nghiệp phát triển thao túng, chi phối quá trình toàn cầu hóa tạo nên sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế và làm gia tăng sự phân cực giữa nước giàu và nước nghèo, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”<sup>1</sup>. Đại hội XI của Đảng nhận định: “Toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp”<sup>2</sup>.

Thực tế cho thấy rằng, các nước muốn tránh khỏi nguy cơ bị biệt lập, tụt hậu, kém phát triển thì phải tích cực, chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, đồng thời phải có bản lĩnh cân nhắc một cách cẩn trọng các yếu tố bất lợi để vượt qua.

Dự báo tình hình thế giới trong những năm sắp tới, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng nhận định: trên thế giới “Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính – tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường... còn tiếp tục gia tăng”<sup>3</sup>.

- o Tình hình khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ những năm 1990 có nhiều chuyển biến mới: *Trước hết*, trong khu vực tuy vẫn tồn tại những vấn đề bất ổn như vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo, tài nguyên và việc một số nước trong khu vực tăng cường vũ trang, nhưng châu Á – Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; *hai là*, châu Á – Thái Bình Dương có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế. Xu thế hoà bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh.



“Khu vực châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động, nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tiếp tục đẩy mạnh liên kết

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.64.

<sup>2, 3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.96, 317.



khu vực, xây dựng cộng đồng, có vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực, song còn nhiều khó khăn, thách thức”<sup>1</sup>.

- Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:

Sự bao vây, chống phá của các thế lực thù địch đối với Việt Nam từ nửa cuối thập niên 70 của thế kỉ XX tạo nên tình trạng căng thẳng, mất ổn định trong khu vực và gây khó khăn, cản trở cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam, là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng ở nước ta. Vì vậy vấn đề giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới bình thường hóa và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế là nhu cầu cần thiết và cấp bách đối với nước ta.

Mặt khác, do hậu quả nặng nề của chiến tranh và các khuyết điểm chủ quan, nền kinh tế Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới là một trong những thách thức lớn đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế đặt ra gay gắt. Để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với các quốc gia khác, ngoài việc phát huy tối đa các nguồn lực trong nước, cần phải tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, trong đó việc mở rộng và tăng cường hợp tác kinh tế với các nước và tham gia vào cơ chế hợp tác đa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Những đặc điểm, xu thế quốc tế và yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam nêu trên là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam xác định quan điểm và hoạch định chủ trương, chính sách đối ngoại thời kì đổi mới.

### 8.2.1.2. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

- Giai đoạn 1986 - 1996: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), trên cơ sở nhận thức đặc điểm nổi bật của thế giới là cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất, Đảng ta nhận định: “xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta”. Từ đó, Đảng chủ trương phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới và các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Triển khai chủ trương của Đảng, tháng 12/1987, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành. Đây là lần đầu tiên Nhà nước ta tạo cơ sở pháp lí cho các

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.318-319. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.318-319.

hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam – mở cửa để thu hút nguồn vốn, thiết bị và kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Tháng 5/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 về *nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*, đề ra chủ trương kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình; lợi dụng sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế, ra sức đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị thể hiện sự đổi mới tư duy của Đảng về nhiều vấn đề then chốt thuộc lĩnh vực đối ngoại như: quan hệ chính trị quốc tế; mục tiêu đối ngoại; an ninh và phát triển; đoàn kết quốc tế và tập hợp lực lượng trong quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và *chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta*. Sự chuyển hướng này đã *đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế*.

Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ năm 1989, Đảng chủ trương xoá bỏ tình trạng độc quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu. So với chủ trương của Đại hội V là “Nhà nước độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương”<sup>1</sup>, thì đây là bước đổi mới đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”<sup>2</sup>, với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”<sup>3</sup>.

Đại hội VII đã đổi mới chính sách đối ngoại với các đối tác cụ thể. Với Lào và Campuchia, thực hiện đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả trên tinh thần bình đẳng. Với Trung Quốc, chủ trương thúc đẩy bình thường hóa quan hệ, từng bước mở rộng hợp tác Việt – Trung. Trong quan hệ với khu vực, Đảng chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á – Thái



<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.43, tr.78.

<sup>2, 3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.114, 49.

Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Đối với Hoa Kỳ, Đảng nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng thông qua xác định quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới là một trong những đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Các Hội nghị Trung ương (khóa VII) tiếp tục cụ thể hóa quan điểm của Đại hội VII về lĩnh vực đối ngoại. Trong đó, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (tháng 6/1992) nhấn mạnh yêu cầu đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Mở rộng cửa để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994) chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ *đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại*.

Như vậy, quan điểm, chủ trương đối ngoại rộng mở được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, sau đó được các Nghị quyết Đại hội và Hội nghị Trung ương từ khóa VI đến khóa VII phát triển đã hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

- Giai đoạn 1996 - 2011: Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996) khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở” và “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”.



Việt Nam đảm nhiệm chức  
chủ tịch ASEAN 2010

Đại hội VIII xác định rõ hơn quan điểm đối ngoại với các nhóm đối tác như: ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN; không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống; coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; đoàn kết với các nước đang phát triển, với Phong trào không liên kết; tham gia tích cực và đóng góp cho hoạt động của các tổ chức quốc tế, các diễn đàn quốc tế.

So với Đại hội VII, chủ trương đối ngoại của Đại hội VIII có các đặc điểm mới: *một là*, chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; *hai là*, quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ; *ba là*, lần đầu tiên, trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, Đảng đưa ra chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài.



Cụ thể hóa quan điểm của Đại hội VIII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 12-1997), chỉ rõ: trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Nghị quyết đề ra chủ trương tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001), Đảng ta nhận định: thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, từ năm 1986 đến năm 2001, đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, trong đó đặc biệt là “đất nước đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội... Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế”<sup>1</sup>. Từ đó, Đảng đề ra chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực.



Lãnh đạo các nước khi tham gia hội nghị APEC tại Việt Nam 2010

Cảm nhận đầy đủ “lực” và “thế” của đất nước sau 15 năm đổi mới, Đại hội IX đã phát triển phương châm của Đại hội VII là: “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”<sup>2</sup>. Chủ trương *xây dựng quan hệ đối tác* được đề ra ở Đại hội IX đánh dấu bước phát triển về chất tiến trình quan hệ của Việt Nam thời kì đổi mới.

Tháng 11-2001, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 07 về *hội nhập kinh tế quốc tế*. Nghị quyết đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (ngày 5-1-2004) nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của các lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4-2006), Đảng nêu quan điểm: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”.

*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế* là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, không để rơi vào thế bị động; phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.149-150.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, *Sđd*, tr.42.



*Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là khẩn trương chuẩn bị, đổi mới bên trong, từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn; từ trung ương đến địa phương doanh nghiệp; khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực, nhưng phải thận trọng; vững chắc.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1/2011), nhận định tình hình trong nước “Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước lực và thế, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước... Tuy nhiên, nước ta đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại”<sup>1</sup>. Trên cơ sở nhận định đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đề ra chủ trương “triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế”<sup>2</sup>. So với chủ trương đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ X: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”, thì Nghị quyết Đại hội XI đã thể hiện bước phát triển mới về tư duy đối ngoại – chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” lên “hội nhập quốc tế” – hội nhập toàn diện, đồng bộ từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng...



*Như vậy, đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế được xác lập trong mười năm đầu của thời kỳ đổi mới (1986 - 1996), đến Đại hội XI (tháng 1/2011) được bổ sung, phát triển theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh<sup>3</sup>.*

## 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế

### 8.2.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

Trong các văn kiện liên quan đến lĩnh vực đối ngoại, Đảng ta đều chỉ rõ cơ hội và thách thức của việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trên cơ sở đó Đảng xác định mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo công tác đối ngoại.

<sup>1,2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.319-322.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.235-236.

- Cơ hội và thách thức:
  - Về cơ hội: Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hóa kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế. Mặt khác, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.
  - Về thách thức: Những vấn đề toàn cầu như phân hóa giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia... gây tác động bất lợi đối với nước ta.

Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia; những biến động trên thị trường quốc tế sẽ tác động nhanh và mạnh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ gây rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế - tài chính.



Ngoài ra, lợi dụng toàn cầu hóa, các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” chống phá chế độ chính trị và sự ổn định, phát triển của nước ta.

Những cơ hội và thách thức nêu trên có mối quan hệ, tác động qua lại có thể chuyển hóa lẫn nhau. Cơ hội không tự phát huy tác dụng và tùy thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo thế và lực mới để vượt qua thách thức, tạo ra cơ hội lớn hơn. Ngược lại, nếu không nắm bắt, tận dụng thì cơ hội có thể sẽ bị bỏ lỡ, thách thức sẽ tăng lên, lấn át cơ hội, cản trở sự phát triển. Thách thức tuy là sức ép trực tiếp, nhưng tác động đến đâu còn tùy thuộc vào khả năng và nỗ lực của chúng ta. Nếu tích cực chuẩn bị, có biện pháp đối phó hiệu quả, vươn lên nhanh trước sức ép của các thách thức thì không những sẽ vượt qua được thách thức, mà còn có thể biến thách thức thành động lực phát triển.

- Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại:
 

Lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại là: “giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”<sup>1</sup>. Mở rộng đối ngoại và hội nhập quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với các nguồn lực từ bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh,

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.236

dân chủ, công bằng, văn minh; phát huy vai trò và vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Tư tưởng chỉ đạo:

Trong quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm:

Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

Nắm vững hai mặt *hợp tác* và *đấu tranh* trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tránh để bị đẩy vào thế cô lập.



Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Coi trọng quan hệ hoà bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.

Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế.

Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

### 8.2.2.2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế

Trong các văn kiện của Đảng liên quan đến đối ngoại, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X (tháng 2/2007) đã đề ra một số chủ trương, chính sách lớn như:

- *Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững:* Hội nhập sâu sắc và đầy đủ vào nền kinh tế thế giới, nước ta sẽ có địa vị bình đẳng với các thành viên khác khi tham gia vào việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn; có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp Việt Nam trong các cuộc tranh chấp thương mại với các nước khác, hạn chế được những thiệt hại trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp:* Chủ động và tích cực xác định lộ trình hội nhập hợp lý, trong đó cần tận dụng các ưu đãi



mà WTO dành cho các nước đang phát triển và kém phát triển; chủ động và tích cực nhưng phải hội nhập từng bước, dần dần mở cửa thị trường theo một lộ trình hợp lý.

- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO:* Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; đa dạng hóa các hình thức sở hữu, phát triển kinh tế nhiều thành phần; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường; xây dựng các sắc thuế công bằng, thống nhất, đơn giản, thuận tiện cho mọi chủ thể kinh doanh.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước:* Kiên quyết loại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách cơ chế quản lý.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế:* Nâng cao năng lực điều hành của Chính phủ; tích cực thu hút đầu tư nước ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; các doanh nghiệp điều chỉnh quy mô và cơ cấu sản xuất trên cơ sở xác định đúng đắn chiến lược sản phẩm và thị trường; điều chỉnh quy hoạch phát triển, nhanh chóng có biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm.
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập:* Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập; xây dựng cơ chế kiểm soát và chế tài xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gây phương hại đến sự phát triển đất nước, văn hóa và con người Việt Nam; kết hợp hài hòa giữa giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến trong quá trình giao lưu với các nền văn hóa bên ngoài.
- Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như giáo dục, bảo hiểm, y tế; đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo; có các biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có hại cho môi trường; tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập:* Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh; có các phương án chống lại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại: Tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động đối ngoại. Các hoạt động đối ngoại





song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực tham gia đấu tranh vì một hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, cùng có lợi.

- *Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại:* Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tập trung xây dựng cơ sở đảng trong các doanh nghiệp và xây dựng giai cấp công nhân trong điều kiện mới; đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, trọng tâm là cải cách hành chính.

### 8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

#### 8.2.3.1. Thành tựu và ý nghĩa

Qua 25 năm thực hiện đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế, nước ta đã đạt được những kết quả:

- Một là, phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc tham gia kí Hiệp định Paris (ngày 23-10-1991) về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia đã mở ra tiền đề để Việt Nam thúc đẩy quan hệ với khu vực và cộng đồng quốc tế.

Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (ngày 10-11-1991); tháng 11-1992, Chính phủ Nhật Bản quyết định nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam; bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (ngày 11-7-1995).

Tháng 7-1995 Việt Nam gia nhập ASEAN, đánh dấu sự hội nhập của nước ta với khu vực Đông Nam Á.

- Hai là, giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

Đã đàm phán thành công với Malayxia về giải pháp “gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vùng biển chồng lấn giữa hai nước. Thu hẹp diện tranh chấp vùng biển giữa nước ta và các nước ASEAN. Đã kí với Trung Quốc: Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá.

- Ba là, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tất cả các nước lớn đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á. Đã kí hiệp định khung về hợp tác với EU (năm 1995); năm 1999 kí thoả thuận với Trung Quốc khuôn khổ quan



hệ “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”; tháng 5-2008 thiết lập quan hệ với đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Trung Quốc; ngày 13/7/2001, kí kết Hiệp định thương mại song phương Việt Nam

– Hoa Kỳ; tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược với Nga (năm 2001); khuôn khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật Bản (năm 2002).

Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 171 nước trên thế giới.

Tháng 10-2007, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kì 2008-2009.

Năm 2010 Việt Nam đã đảm nhiệm thành công cương vị chủ tịch ASEAN; tích cực tham gia và có những đóng góp cho nhiều hoạt động đa phương khu vực và trên thế giới, như tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về an ninh hạt nhân và giải trừ vũ khí hạt nhân, phòng chống tội phạm, biến đổi khí hậu...

- Bốn là, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.

Năm 1993, Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); sau khi gia nhập ASEAN (tháng 7/1995) Việt Nam đã tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); tháng 3/1996, tham gia Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập; tháng 11/1998, gia nhập tổ chức Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC); ngày 11/1/2007, Việt Nam được kết nạp làm thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

- Năm là, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lí.

Về mở rộng thị trường: Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại, đầu tư với khoảng 230 nước và vùng lãnh thổ, đưa tỉ lệ giá xuất nhập khẩu so với GDP lên trên 170%. Thực tế cho thấy, nền kinh tế nước ta đã gắn kết chặt chẽ vào nền kinh tế thế giới. Nếu năm 1986 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt 789 triệu USD, đến năm 2007 đạt 48 tỉ USD; năm 2008 đạt khoảng 62,9 tỉ USD<sup>1</sup>; năm 2010 ước đạt 71,6 tỉ USD.

Hội nhập quốc tế đã tạo cơ hội để nước ta tiếp cận những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Nhiều công nghệ hiện đại, dây chuyền sản xuất tiên tiến được sử dụng đã tạo nên bước phát triển mới trong các ngành sản xuất. Đồng thời, thông qua các dự án liên doanh hợp tác với nước ngoài, các doanh nghiệp chủ nghĩa đã tiếp nhận được nhiều kinh nghiệm quản lí sản xuất hiện đại.



- Sáu là, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ, đổi mới quản lí, nâng cao năng suất và chất lượng, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển.

<sup>1</sup> Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 795 (tháng 1-2009), tr.32.

Tư duy làm ăn mới, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo và đội ngũ các nhà doanh nghiệp mới năng động sáng tạo có kiến thức quản lý đang hình thành.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đánh giá: “hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao”<sup>1</sup>.

Những kết quả trên đây có ý nghĩa rất quan trọng: đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp, góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn. Góp phần giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc; Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhận định: nước ta “có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới”<sup>2</sup>.

### 8.2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế cũng bộc lộ những hạn chế:

Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tuýy thuộc lẫn nhau với các nước.

Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế; hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức quốc tế.

Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

Doanh nghiệp nước ta đầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước khác trong khu vực.

Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh.

Đại hội XI của Đảng đã chỉ ra những hạn chế, như: “Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại có mặt còn hạn chế. Sự phối hợp giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa đối ngoại chưa thật đồng bộ”<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.313.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.64.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.313.

Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến năm 2011 mặc dù còn những hạn chế, nhưng thành tựu là cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng: góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới; thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong 25 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước trong thời kì đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.

---

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.64.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.170.



## Tóm lược cuối bài

- Nghiên cứu Đường lối đối ngoại của Đảng ta từ sau năm 1975 đến nay cho thấy những thành tựu to lớn và cả hạn chế trong thực tiễn ngoại giao Việt Nam. Rất nhiều bài học kinh nghiệm vẫn mang tính thời sự đối với chúng ta cho đến tận ngày hôm nay.
- Nguyên tắc “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu là hết sức quan trọng. Lời dạy của Bác “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to thì tiếng mới lớn” đã cho thấy trách nhiệm lớn lao của thế hệ hôm nay với tương lai và vận mệnh của dân tộc.

## Câu hỏi ôn tập

1. Ưu tiên trong Chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986 là gì? Vì sao?
2. Trình bày kết quả và ý nghĩa về đối ngoại của Việt Nam thời kỳ 1975 - 1986?
3. Văn kiện nào đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta, đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế? Vì sao?
4. Đường lối đối ngoại theo phương châm “chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” được Đảng nêu ra ở Đại hội nào? Nêu một số thành tựu cơ bản mà Việt Nam đã đạt được sau 25 năm đổi mới về đối ngoại.
5. Phân tích nội dung chủ yếu đường lối đối ngoại thời kỳ 1986 - 2011?